TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH NINH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số 08/2018/DS-PT
Ngày 30 tháng 01 năm 2018
V/v: "Tranh chấp quyền quản lý di sản thờ cúng" và "Tranh chấp đòi lại tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Bích Hồng

Các Thẩm phán: Ông Võ Văn Lập;

Ông Nguyễn Văn Được

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Trần Anh Khoa - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận;

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thắng - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 23, 30 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 42/2017/TLPT-DS ngày 20 tháng 11 năm 2017 về "Tranh chấp quyền quản lý di sản thờ cúng" và "Tranh chấp kiện đòi lại tài sản";

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 18/2017/DS-ST ngày 23 tháng 9 năm 2017 của Toà án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 02/2018/QĐPT-DS ngày 10 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Trần Minh T - sinh năm 1958 (có mặt);

Địa chỉ: Khu phố 06, phường MB, thành phố X, tỉnh Y;

- Bị đơn: Ông Trần Hữu G - sinh năm 1962 (vắng mặt);

Địa chỉ: Số ABC đường TN, phường PH, thành phố X, tỉnh Y.

- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/. Bà Trần Thị Thu L - sinh năm 1965 (vắng mặt);

2/. Ông Trần Chí Th - sinh năm 1974 (vắng mặt);

3/. Ông Phạm Duy Q - sinh năm 1973 (vắng mặt);

4/. Ông Nguyễn Anh D - sinh năm 1987 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Thôn TS 01, xã TH, thành phố X, tỉnh Y;

5. Bà Trần Thị Quế H - Sinh năm 1968 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp 4, xã LS, huyện CM, tỉnh ĐN;

- Người kháng cáo: Ông Trần Minh T là Nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Trần Minh T trình bày:

Cha mẹ ông tên là Trần K (sinh năm 1929, chết ngày 06/3/2014) Mai Thị L (sinh năm 1928, chết năm 2009). Cha mẹ ông sinh được 05 người con đẻ là ông, ông Trần Hữu G, bà Trần Thị Thu L, bà Trần Thị Quế H, bà Trần Thị Lệ T (chết ngày 30/9/1997, bà T có 02 người con đẻ là Phạm Duy Q, Nguyễn Anh D) và có 01 người con nuôi là ông Trần Chí Th.

Ngày 16/10/2003, vợ chồng ông thế chấp nhà và đất gắn liền tọa lạc tại số XYZ đường LL, phường KD, thành phố X để vay 35.000.000 đồng của Ngân hàng cổ phần Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh tỉnh X. Sau khi vay tiền, ông đã giao cho ông Trần K để chi trả chữa bệnh cho ông K bà L.

Vào khoảng năm 2004, 2005, ông thay mặt vợ chồng ông K bà L và các anh em trong gia đình chuyển nhượng thửa đất nông nghiệp của ông bà ngoại ông để lại cho bà L, cho ông Phan Công M với giá 55.000.000 đồng. Sau khi chuyển nhượng, ông đã giao 55.000.000 đồng này cho ông K để chi trả tiền chữa bệnh cho bà L.

Năm 2007, vợ chồng ông ly hôn và đã thỏa thuận ông là người chịu trách nhiệm trả nợ 35.000.000 đồng cho Ngân hàng đầu tư phát triển Việt Nam - Chi nhánh tỉnh Y. Sau đó ông đã bán căn nhà và đất gắn liền tọa lạc tại số XYZ đường LL này và đã trả hết nợ cho Ngân hàng cổ phần Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh tỉnh Y.

Ngày 10/8/2009, ông đại diện giám hộ của vợ chồng ông K bà L lập "Giấy thỏa thuận gia đình" với ông G. Nội dung: Ông G có trách nhiệm thanh toán cho gia đình mà đại diện giám sát việc giám hộ của bà L là ông T số tiền 90.000.000 đồng chi phí chữa bệnh cho bà L.

Sau khi vợ chồng ông K bà L chết, ông G chưa trả cho ông 90.000.000 đồng theo "Giấy thỏa thuận gia đình" ngày 10/8/2009.

Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 34/2015/DS-PT ngày 16/12/2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận đã quyết định: Chia thừa kế theo pháp luật di sản của vợ chồng ông Trần K bà Mai Thị L. Ông G được quyền sở hữu thửa đất số AA (đã chỉnh lý) tờ bản đồ địa chính số BB-(CC), phường PH, diện tích 84,7 m^2, trên đất có 01 căn nhà cấp 4, tọa lạc tại số ABC đường TN, thành phố X,

tỉnh Y. Ông G phải hoàn lại cho ông Trần Minh T 65.247.780 đồng trị giá di sản thừa kế của vợ chồng ông K bà L mà ông T được chia theo pháp luật.

Tại đơn khởi kiện ngày 12/01/2017 và trong giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm, ông yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông G phải trả lại cho ông 90.000.000 đồng theo "Giấy thỏa thuận gia đình" ngày 10/8/2009 và 53.446.326 đồng lãi suất tính đến ngày 12/8/2017.

Tại phiên tòa sơ thẩm ngày 23 tháng 9 năm 2017, ông thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể ông yêu cầu:

- Buộc ông G phải trả lại cho ông 90.000.000 đồng chi trả chữa bệnh cho bà L và 50.000.000 đồng lãi suất. Tổng cộng là 140.0000.000 đồng. 140.0000.000 đồng này được chia làm 07 phần bằng nhau cho ông K, ông, ông G, ông Th, bà T, bà L, bà H, mỗi người phải chịu 20.000.000 đồng. Ông không yêu cầu bà H phải trả lại cho ông 20.000.000 đồng này. Sau khi trừ đi 40.000.000 đồng của ông, bà H phải chịu, ông Trần Hữu G phải trả lại cho ông 100.000.000 đồng là phần của ông K, ông G, ông Th, bà T và bà L.

- Yêu cầu ông G phải giao lại cho ông được quyền trực tiếp quản lý các di sản để thờ cúng gồm: 02 bộ Ngũ đồng, 02 bộ bình phong tam sơn cẩn xà cừ và 01 đi văng (ván nằm) hiện do ông G đang quản lý tại căn nhà số ABC đường TN, khu phố 05 phường PH, thành phố X. Ông không yêu cầu chia thừa kế đối với các di sản để thờ cúng này và cũng không yêu cầu di dời các vật dụng thờ cúng ra khỏi căn nhà số ABC đường TN, khu phố 05 phường PH, thành phố X. Ông yêu cầu được trực tiếp quản lý các tài sản để thờ cúng này tại căn nhà số ABC đường TN, khu phố 05 phường PH, thành phố X.

- Bị đơn ông Trần Hữu G trình bày:

Ông là con đẻ của vợ chồng ông Trần K bà Mai Thị L. Ông xác nhận nội dung trình bày của Nguyên đơn ông Trần Minh T về họ tên cha mẹ, con đẻ, con nuôi của cha mẹ là đúng sự thật.

- Đối với yêu cầu khởi kiện của ông T có nội dung: Yêu cầu giao cho ông T trực tiếp quản lý các di sản để thờ cúng gồm: 02 bộ Ngũ đồng, 02 bộ bình phong tam sơn cẩn xà cừ và 01 đi văng (ván nằm) tại căn nhà số ABC đường TN, khu phố 05 phường PH, thành phố X, ông có ý kiến như sau:

Sau khi vợ chồng ông Trần K bà Mai Thị L chết, ông T khởi kiện yêu cầu chia thừa kế di sản của cha mẹ để lại. Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 34/2015/DS-PT ngày 16/12/2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận đã có hiệu lực pháp luật quyết định:

+ Chia thừa kế theo pháp luật di sản của ông Trần K bà Mai Thị L. Ông được sử dụng và sở hữu thửa đất số số AA (đã chỉnh lý) tờ bản đồ địa chính số BB-(CC), phường PH, diện tích 84,7 m^2, trên đất có 01 căn nhà cấp 4, tọa lạc tại

số ABC đường TN, thành phố X, tỉnh Y. Ông có trách nhiệm hoàn lại cho ông Trần Minh T, bà Trần Thị Quế H mỗi người 65.247.780 đồng trị giá di sản thừa kế mà ông T, bà H được chia theo pháp luật.

Hiện nay ông đang quản lý 02 bộ Ngũ đồng, 02 bộ bình phong tam sơn cẩn xà cừ và 01 đi văng (ván nằm) tại căn nhà số ABC đường TN, thành phố X, tỉnh Y như Bản án dân sự phúc thẩm số 34/2015/DS-PT ngày 16/12/2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận.

Vì vậy, ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện này của ông Trần Minh T.

- Đối với yêu cầu khởi kiện của của ông Trần Minh T có nội dung: Yêu cầu ông phải trả lại cho ông 100.000.000 đồng theo Giấy thỏa thuận gia đình ngày 10/8/2009, ông có ý kiến như sau:

Vào khoảng năm 2009, ông và bà Nguyễn Thị Kim M làm thủ tục ly hôn và chia tài sản chung là căn nhà số ABC đường TN, thành phố X, tỉnh Y. Do không hiểu biết pháp luật, nên ông và ông Trần K đã ủy quyền cho ông Trần Minh T thay mặt ông và ông K tham gia tố tụng về phần tài sản. Để tạo chứng cứ có lợi khi tranh chấp với tài sản với bà Mai, ông T đã lập "Giấy thỏa thuận gia đình" ngày 10/8/2009 và nhiều bản khai khác, ông và ông K ký tên vào, nhưng không đọc nội dung.

Vườn cây ăn trái là tài sản của vợ chồng ông K bà L tạo lập. Năm 2004, ông T chuyển nhượng vườn cây ăn trái này cho ông ông Phan Công M với giá 55.000.000 đồng là thực hiện theo ý kiến của vợ chồng ông K bà L. Sau khi chuyển nhượng, ông T đã giao lại cho vợ chồng ông K bà L 55.000.000 đồng này. Số tiền này không phải là của ông T; ông và các anh chị em trong gia đình không được nhận số tiền này, nên ông không đồng ý trả 55.000.000 đồng cho ông T.

- Ông không biết việc ông T vay 35.000.000 đồng tại Ngân hàng Cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh tỉnh Y; vay tiền để làm gì và đã sử dụng vào mục đích gì.

Tuy nhiên, tại các bản khai của ông, của ông Trần K do ông T làm giúp và cung cấp cho Tòa án trong quá trình giải quyết ly hôn giữa ông và bà Nguyễn Thị Kim M đều thể hiện ông biết việc ông T vay 35.000.000 đồng này để giao cho ông K chi trả chữa bệnh cho bà L trước khi chết, nên ông đồng ý trả cho ông T 35.000.000 đồng vốn vay này.

Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 34/2015/DS-PT ngày 16/12/2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận đã chia thừa kế di sản của vợ chồng ông K bà L làm 07 phần bằng nhau cho ông K, ông T, ông, bà T, bà L, bà H, ông Th. Vì vậy, ông yêu cầu Tòa án chia 35.000.000 đồng này làm 07 phần bằng nhau, mỗi

phần 5.000.000 đồng. Do ông Trần K, bà L, bà H, ông Th, ông Q, ông D đều đã tặng cho ông toàn bộ kỷ phần thừa kế được nhận theo quy định pháp luật và ông được quyền sở hữu căn nhà số ABC đường TN, thành phố X, tỉnh Y, nên ông đồng ý trả lại cho ông T 30.000.000 đồng.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Thu L trình bày:

Bà là con đẻ của vợ chồng ông Trần K bà Mai Thị L. Bà xác nhận nội dung trình bày của ông T về họ tên cha mẹ, con đẻ, con nuôi của cha mẹ là đúng sự thật.

Bà không có ý kiến gì về việc ông T khởi kiện yêu cầu ông G phải trả lại số tiền chăm sóc cho bà L trước khi chết. Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 34/2015/DS-PT ngày 16/12/2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận, bà đã tặng cho ông G được quyền sở hữu toàn bộ kỷ phần thừa kế mà bà được nhận của bà L, để thờ cúng ông bà tổ tiên tại căn nhà số ABC đường TN, thành phố X, tỉnh Y. Các di sản để thờ cùng tại căn nhà số ABC đường TN này đều do ông G quản lý từ trước đến nay, nên bà không đồng ý chia thừa kế, hoặc giao cho người khác quản lý các di sản này.

Do bận công việc, nên bà yêu cầu Tòa án xét xử vụ án vắng mặt bà.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Quế H trình bày:

Bà là con đẻ của vợ chồng ông Trần K bà Mai Thị L. Bà xác nhận nội dung trình bày của ông T về họ tên cha mẹ, con đẻ, con nuôi của cha mẹ là đúng sự thật.

Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 34/2015/DS-PT ngày 16/12/2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận đã có hiệu lực pháp luật, bà đã tặng cho ông Trần Hữu G được quyền sở hữu toàn bộ kỷ phần thừa kế mà bà được nhận của bà L, để ông G thờ cúng ông bà tổ tiên tại căn nhà số ABC đường TN, thành phố X, tỉnh Y.

Bà đề nghị Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt bà.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Chí Th trình bày:

Ông là con nuôi của vợ chồng ông Trần K bà Mai Thị L. Ông xác nhận nội dung trình bày của ông T về họ tên cha mẹ, con đẻ, con nuôi của cha mẹ là đúng sự thật.

Ông không đồng ý với toàn bộ nội dung yêu cầu khởi kiện của ông Trần Minh T. Vì toàn bộ chi phí chữa bệnh cho bà Mai Thị L là do ông, ông Trần Hữu G, bà Trần Thị Thu L, anh Phạm Duy Q và anh Nguyễn Anh D bỏ ra; các ông bà cũng là người trực tiếp chăm sóc khi cha mẹ bị bệnh. Riêng ông T không

chăm sóc cha mẹ khi bị bệnh và cũng không bỏ tiền ra để chi trả chữa bệnh cho cha mẹ.

Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 34/2015/DS-PT ngày 16/12/2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận, ông đã tặng cho ông G được quyền sở hữu toàn bộ kỷ phần thừa kế mà ông được của bà L, để ông G thờ cúng ông bà tổ tiên tại căn nhà số ABC đường TN, thành phố X, tỉnh Y. Vì vậy, nếu ông G đồng ý trả lại tiền cho ông T, ông không có ý kiến gì.

Các di sản để thờ cúng tại căn nhà số 222 đường Thống Nhất, thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận là của ông bà tổ tiên để lại; ông G đã được sở hữu căn nhà số ABC đường TN này theo Bản án dân sự phúc thẩm số 34/2015/DS-PT ngày 16/12/2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận, ông G là người có nhiệm vụ thờ cúng tổ tiên, nên ông G có quyền quản lý các di sản thờ cúng này.

Do bận công việc nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt.

- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Phạm Duy Q, anh Nguyễn Anh D trình bày:

Các anh là con đẻ của bà Trần Thị Lệ T. Bà T là con đẻ của vợ chồng ông Trần K bà Mai Thị L. Các ông đồng ý với các nội dung trình bày của ông T về các con đẻ, con nuôi của vợ chồng ông K bà L.

Các anh không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trần Minh T. Vì toàn bộ chi phí chữa bệnh cho bà Mai Thị L là do hai anh em anh và các cô chú là ông Trần Hữu G, bà Trần Thị Thu L, ông Trần Chí Th bỏ ra và trực tiếp chăm sóc cho vợ chồng ông K bà L khi bị bệnh. Riêng ông T không chăm sóc cha mẹ khi bị bệnh và cũng không bỏ tiền để chi trả chữa bệnh cho ông K bà L.

Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 34/2015/DS-PT ngày 16/12/2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận, các anh đã tặng cho ông Trần Hữu G được quyền sở hữu toàn bộ kỷ phần thừa kế mà các anh được nhận thừa kế thế vị, để ông G thờ cúng ông bà tổ tiên tại căn nhà số ABC đường TN, thành phố X, tỉnh Y. Nếu ông G đồng ý trả lại tiền cho ông T, các anh không có ý kiến gì.

Các di sản thờ cúng tại căn nhà số số ABC đường TN, thành phố X, tỉnh Y là của ông bà tổ tiên để lại, ông G đã được quyền sở hữu căn nhà số ABC đường TN này, ông G cũng là người có nhiệm vụ thờ cúng ông bà tổ tiên, nên ông G có quyền quản lý các tài sản thờ cúng này.

Do bận công việc nên các anh yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 18/2017/DS-ST ngày 23 tháng 9 năm 2017 của Toà án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận đã quyết định:

- Áp dụng: Điều 4, Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 166, 615 Bộ luật dân sự 2015; khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn ông Trần Minh T.

+ Công nhận sự tự nguyện của Bị đơn ông Trần Hữu G có nội dung đồng ý trả cho ông Trần Minh T 30.000.000 đồng.

+ Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn ông Trần Minh T về việc yêu cầu ông Trần Hữu G phải trả cho ông Trần Minh T 70.000.000 đồng.

+ Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn ông Trần Minh T về việc yêu cầu được trực tiếp quản lý các vật dụng thờ cúng gồm: 02 bộ Ngũ đồng, 02 bộ bình phong tam sơn cẩn xà cừ và 01 đi văng (ván nằm) hiện ông Trần Hữu G đang quản lý tại căn nhà số ABC đường TN, thành phố X, tỉnh Y.

Ngày 04/10/2017, Nguyên đơn ông Trần Minh T làm đơn kháng cáo Bản án dân sự sơ thẩm số 18/2017/DS-ST ngày 23 tháng 9 năm 2017 của Toà án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận. Nội dung kháng cáo: Kháng cáo toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 18/2017/DS-ST ngày 23 tháng 9 năm 2017 của Toà án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm; Không chấp nhận giao cho ông Trần Hữu G quản lý toàn bộ di sản do ông bà ngoại để lại theo di chúc ngày 04/5/1958, tại địa chỉ số ABC đường TN, thành phố X, tỉnh Y để dùng vào việc thờ cúng; Không chấp nhận việc Tòa án sơ thẩm bác một phần yêu cầu khởi kiện theo Giấy thỏa thuận gia đình ngày 10/8/2009 do ông làm đại diện (Bên A cho vay) và ông Trần Hữu G (Bên B vay tiền) và bác chi phí lãi suất phát sinh do chậm trả.

- Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà, Thư ký Toà án và các Thẩm phán tham gia phiên toà đã chấp hành đúng các quy định về: Thụ lý xét xử phúc thẩm, chuẩn bị xét xử phúc thẩm, triệu tập những người tham gia xét xử phúc thẩm theo quy định tại các Điều 285, 286, 294 Bộ luật tố tụng dân sự;

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng từ khi Toà án cấp phúc thẩm thụ lý cho vụ án cho đến thời điểm xét xử tại phiên toà hôm nay đã thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70, 71, 72, 73, 86, 234 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ tài liệu, hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận nội dung yêu cầu kháng cáo của Nguyên đơn ông Trần Minh T; Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 18/2017/DS-ST ngày 23 tháng 9 năm 2017 của Toà án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

- Về thủ tục tố tụng:

Ngày 16/01/2018, Bị đơn ông Trần Hữu G, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Quế H, ông Trần Chí Th, bà Trần Thị Thu L, anh Trần Anh D, anh Phạm Duy Q có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt ((BL 309 - 310; 312 đến 315). Căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử phúc thẩm xét xử vụ án vắng mặt Bị đơn ông G và những Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà H, ông Th, bà L, anh D, anh Q.

- Về nội dung:

Tại phiên tòa phúc thẩm, Nguyên đơn ông Trần Minh T không rút yêu cầu khởi kiện; Không thay đổi, bổ sung, không rút một phần hoặc toàn bộ nội dung yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án. Qua các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nội dung trình bày và kết quả tranh luận của các đương sự cho thấy: Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật của vụ án là "Tranh chấp quyền quản lý di sản thờ cúng" và "Tranh chấp đòi lại tài sản" được quy định trong Bộ luật dân sự năm 2005 là có cơ sở và đúng pháp luật.

Xét yêu cầu kháng cáo thứ nhất của Nguyên đơn ông Trần Minh T có nội dung: Không chấp nhận việc Tòa án cấp sơ thẩm bác một phần yêu cầu khởi kiện theo Giấy thỏa thuận gia đình ngày 10/8/2009 và lãi suất phát sinh do chậm trả.

Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

- Tại Giấy thỏa thuận gia đình ngày 10/8/2009 (BL 90) có nội dung: Ông Trần Hữu G có trách nhiệm thanh toán lại 90.000.000 đồng cho ông Trần Minh T là đại diện giám sát việc giám hộ của bà Mai Thị L. Giấy thỏa thuận này do ông Trần Minh T viết, có chữ ký của ông T và ông G.

- Tại Giấy chứng nhận sức khỏe số 3097/GĐYK/SK ngày 05/5/2009 của Hội đồng giám định y khoa tỉnh Ninh Thuận (BL 122) thể hiện: Bà Mai Thị L tiếp xúc chậm, trí lực giảm tuổi già, còn đủ nhận thức để lập di chúc.

- Tại Bản khai ngày 05/07/2012 của ông Trần K (BL 98) có nội dung: Năm 2002, ông có yêu cầu con trai là ông Trần Hữu G hợp thức hóa sổ nhà cho vợ chồng ông để vay vốn Ngân hàng nhằm hỗ trợ một phần khó khăn cho gia đình. Ngày 14/10/2002 ông có ký tên vào "Giấy cho nhà và đất ở" với ý định lập tờ di chúc để làm tin, tránh sự tranh chấp giữa các thành viên trong gia đình, vì

vợ chồng ông G bà Mai có cam kết sẽ phụng dưỡng cho vợ chồng ông đến suốt đời. Tháng 11/2003 ông có nhận của ông Trần Minh T 35.000.000 đồng là số tiền ông T thế chấp căn nhà số XYZ đường LL tại Ngân hàng cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh tỉnh Y sau khi có trao đổi với ông Trần Hữu G. Ông T đã đưa toàn bộ số tiền này cho ông để chi trả tiền khám chữa bệnh cho bà Mai Thị L trong thời gian năm 2002, 2003. Tháng 4/2004 do chi phí chữa bệnh cho bà L đã hết, vợ chồng ông G bà Mai chưa có tiền nên có đề nghị gia đình giúp đỡ ứng trước, vợ chồng ông G bà Mai sẽ trả sau. Năm 2004, 2005 ông có nhận ứng 55.000.000 đồng tiền chuyển nhượng 5.000 m^2 tại xã Thành Hải, do ông T đại diện gia đình thực hiện việc chuyển nhượng. Thửa đất này có nguồn gốc là của bà Mai Thị L được thừa kế. Việc ông T chuyển nhượng đất đã có sự trao đổi, bàn bạc với các thành viên trong gia đình.

- Tại Bản khai ngày 31/3/2017 (BL 69), ông Trần Minh T trình bày: Ngày 15/06/2001, ông G có giao ước với gia đình phải có trách nhiệm thờ phụng ông bà và có nghĩa vụ chăm sóc cha mẹ lúc tuổi già đầy đủ, đổi lại ông G được sử dụng mặt bằng căn nhà để kinh doanh. Ngày 16/10/2003 ông thế chấp căn nhà số 19/02/7 đường Lê Lợi để vay 35.000.000 đồng. Do nhu cầu chữa bệnh cho bà L, nên ông nhất trí với ông Trần K cho ứng số tiền này. Năm 2004 do bệnh của bà L chưa giảm, ông K yêu cầu chạy chữa bệnh cho bà L và có sự trao đổi của các thành viên gia đình, nên ông đứng ra làm thủ tục sang nhượng đất nông nghiệp của ông bà ngoại để lại cho mẹ ông, cho người nhận chuyển nhượng là ông Phan Công M với giá 55.000.000 đồng. Toàn bộ số tiền này do ông K nhận. Ngày 04/9/2009 ông G làm giấy ủy quyền cho ông tham gia tố tụng về tài sản trong vụ án ly hôn giữa ông G và bà Nguyễn Thị Kim M. Ngày 10/8/2009, ông G thỏa thuận ký "Giấy thỏa thuận gia đình" do ông trực tiếp viết, có nội dung: Ông G đồng ý trả cho ông các khoản chi phí chữa bệnh cho mẹ là 90.000.000 đồng, sau khi ông nhận lời tham gia tố tụng tại Tòa án theo Giấy ủy quyền ngày 04/7/2009 của ông G. Ngày 03/7/2012, ông G tiếp tục có Giấy ủy quyền cho ông tiếp tục tham gia tố tụng đòi lại chi phí điều trị bệnh cho mẹ.

- Tại Bản tự khai ngày 07/8/2012 của ông Trần Minh T có trong hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 316/2011/TLST-HNGĐ ngày 24/10/2011 của Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm có nội dung: 35.000.000 đồng do ông thế chấp căn nhà số XYZ đường LL để vay tiền Ngân hàng, giao tiền cho ông K; 55.000.000 đồng do bán mảnh vườn cây ăn trái theo đề nghị của cha và ông G khi mẹ bị bệnh, ông đại diện gia đình đứng ra làm thủ tục chuyển nhượng và đã giao lại tiền lại cho cha.

- Tại Bản khai ngày 16/7/2017 của ông Trần Chí Th (BL 104), Bản khai ngày 16/7/2017 của ông Nguyễn Anh D (BL 107) và tại Biên bản hòa giải lần 2 ngày 15/8/2017 (BL 150 - 155) có nội dung: Ông Q, ông Th và ông D xác nhận

ông Trần Minh T không chi trả 90.000.000 đồng để chăm sóc cho bà Mai Thị L. Toàn bộ số tiền chăm sóc bà L là do ông Trần Hữu G bỏ ra; ông G cũng là người phân công bà L, ông Th, ông D, ông Q chăm sóc bà L tại Bệnh viện và tại nhà. Ông T không chăm sóc bà L khi bị bệnh.

- Tại Phiên tòa sơ thẩm ngày 23 tháng 9 năm 2017 của Toà án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm (BL 182 - 187), ông Trần Minh T trình bày: Tại thời điểm ngày 10/8/2009, vợ chồng ông K bà L vẫn còn sống và vẫn còn minh mẫn. Toàn bộ số tiền vay ngân hàng và chuyển nhượng 5.000 m^2 đất ông giao cho vợ chồng ông K bà L sử dụng, ông G không nhận tiền này. Trong 55.000.000 đồng tiền chuyển nhượng 5.000 m^2 đất, ông K đã sử dụng 25.000.000 đồng để giải quyết chỗ ở cho ông Trần Chí Th, số tiền còn lại ông K giữ lại để chi tiêu.

- Tại Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 02/2012/HNGĐ-ST ngày 28/9/2012 của Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận đã có hiệu lực pháp luật (BL 296 - 302) thể hiện: Ông Trần K là Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ủy quyền cho ông Trần Minh T tham gia tố tụng trong vụ án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 01/2012/HNGĐ ngày 21 tháng 5 năm 2012. Ông K có yêu cầu độc lập, yêu cầu bà Nguyễn Thị Kim M là vợ ông Trần Hữu G phải hoàn trả cho ông K số tiền 50.000.0000 đồng trong tổng số tiền 100.000.000 đồng ông K đã chi ra để chữa bệnh cho bà Mai Thị L trong các năm 2002, 2003, 2007 và 2009. Ông G đã trả đủ cho ông K 50.000.000 đồng, nên ông K không yêu cầu ông G phải trả 50.000.000 đồng; Bản án này không chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Trần K.

Với các tài liệu chứng cứ nói trên, đủ cơ sở để xác định:

"Giấy thỏa thuận gia đình" ngày 10/8/2009 (BL 90) chỉ có chữ ký của ông T, ông G, không có chữ ký của ông K, bà L; không được cơ quan có thẩm quyền công chứng, chứng thực. Nội dung "Giấy thỏa thuận gia đình" ngày 10/8/2009 thể hiện: Ông T là đại diện giám sát việc giám hộ cho bà Mai Thị L, nhưng ông T không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào để chứng minh tại thời điểm ngày 10/8/2009, ông T là người đại diện giám sát việc giám hộ cho bà L. Tại thời điểm ngày 10/8/2009, cả ông K và bà L đều không bị hạn chế năng lực hành vi dân sự và cũng không lập giấy tờ, văn bản nào ủy quyền cho ông Trần Minh T thay mặt ông K, bà L xác lập "Giấy thỏa thuận gia đình" với ông G.

Số tiền 55.000.000 đồng là tiền chuyển nhượng đất của bà L, không phải là tiền của ông T. Số tiền này ông K nhận, sau đó ông K cho ông Trần Chí Th 20.000.000 đồng để lo chỗ ở, còn lại 30.000.000 đồng ông K sử dụng chi tiêu cho vợ chồng ông K bà L; ông Trần Hữu G không nhận và không sử dụng số tiền này.

Số tiền 35.000.000 đồng do ông T vay Ngân hàng để sửa chữa nhà riêng của vợ chồng ông T. Sau khi vay tiền, ông T tự nguyện đưa cho ông K 35.000.000 đồng này để chi trả chữa bệnh cho bà L. Khi đưa tiền cho ông K, ông T và ông K không thỏa thuận về lãi suất; ông G không nhận tiền, không được sử dụng số tiền này.

Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 34/2015/DS-PT ngày 16/12/2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận đã quyết định: Chia di sản thừa kế theo pháp luật di sản của vợ chồng ông Trần K bà Mai Thị L, nên ông G không phải chịu trách nhiệm thờ phụng ông bà và có nghĩa vụ chăm sóc cha mẹ lúc tuổi già đầy đủ, để được sử dụng mặt bằng căn nhà để kinh doanh như ông T trình bày.

Xét thấy: Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Minh T về việc buộc Bị đơn ông Trần Hữu G phải trả lại cho ông T 55.000.000 đồng; chấp nhận yêu cầu buộc ông Trần Hữu G phải trả lại cho ông Trần Minh T 30.000.000 đồng; không chấp nhận yêu cầu buộc ông Trần Hữu G phải trả lãi suất chậm trả cho ông T là phù hợp pháp luật. Vì vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận nội dung yêu cầu kháng cáo thứ nhất của ông Trần Minh T.

Xét yêu cầu kháng cáo thứ hai của Nguyên đơn ông Trần Minh T có nội dung: Không chấp nhận ông Trần Hữu G quản lý các di sản dùng vào việc thờ cúng do ông bà ngoại để lại theo di chúc ngày 04/5/1958, tại địa chỉ số ABC đường TN, thành phố X. Ông T yêu cầu được trực tiếp quản lý toàn bộ di sản này tại căn nhà số ABC đường TN, thành phố X, tỉnh Y.

Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

- Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 34/2015/DS-PT ngày 16/12/2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận đã có hiệu lực pháp luật (BL 10 - 16) quyết định: Chia thừa kế theo pháp luật di sản của ông Trần K bà Mai Thị L. Ông Trần Hữu G được sở hữu thửa đất số AA (đã chỉnh lý) tờ bản đồ địa chính số BB-(CC), phường Phủ Hà, diện tích 84,7 m^2, trên đất có 01 căn nhà cấp 4 hiện tọa lạc tại số ABC đường TN, thành phố X, tỉnh Y. Ông Trần Hữu G có trách nhiệm hoàn trả giá trị di sản thừa kế cho những người thừa kế theo pháp luật của cụ K, cụ L.

Xét thấy: Ông T không yêu cầu chia thừa kế đối với 02 bộ Ngũ đồng, 02 bộ bình phong tam sơn cẩn xà cừ và 01 đi văng (ván nằm) là các di sản thờ cúng để tại căn nhà số ABC đường TN, khu phố 05 phường PH, thành phố X. Căn nhà và đất gắn liền này đã được giao cho ông Trần Hữu G sở hữu theo Bản án dân sự phúc thẩm số 34/2015/DS-PT ngày 16/12/2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận. Việc Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện này của ông T là có cơ sở và đúng pháp luật. Vì vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận nội dung kháng cáo thứ hai của ông T.

Với phân tích, đánh giá chứng cứ nói trên; Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận toàn bộ nội dung yêu cầu kháng cáo của Nguyên đơn ông Trần Minh T; Chấp nhận nội dung đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm; Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 18/2017/DS-ST ngày 23 tháng 9 năm 2017 của Toà án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

- Về án phí dân sự phúc thẩm:

Do không chấp nhận nội dung yêu cầu kháng cáo, nên ông Trần Minh T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo Biên lai số 0014285 ngày 10/10/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phan Rang - Tháp Chàm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Tuyên xử: Không chấp nhận toàn bộ nội dung yêu cầu kháng cáo của Nguyên đơn ông Trần Minh T.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 18/2017/DS-ST ngày 23 tháng 9 năm 2017 của Toà án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận;

- Áp dụng: Khoản 4 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 166, 615 Bộ luật dân sự; Khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Q Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Tuyên xử:

+ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn ông Trần Minh T.

+ Buộc ông Trần Hữu G phải trả lại cho ông Trần Minh T 30.000.000 đồng (bằng chữ: Ba mươi triệu đồng chẵn).

+ Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn ông Trần Minh T về việc: Yêu cầu ông Trần Hữu G phải trả cho ông Trần Minh T 70.000.000 đồng.

+ Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn ông Trần Minh T về việc: Yêu cầu được trực tiếp quản lý các vật dụng thờ cúng gồm 02 bộ Ngũ đồng, 02 bộ bình phong tam sơn cẩn xà cừ và 01 đi văng (ván nằm) hiện ông Trần Hữu G đang quản lý tại căn nhà số ABC đường TN, thành phố X, tỉnh Y.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Ông Trần Minh T phải chịu 3.800.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào 3.250.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp, theo Biên lai thu số 0012679 ngày 23/3/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phan Rang - Tháp Chàm. Ông T còn phải chịu 550.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

+ Ông Trần Hữu G phải chịu 1.500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Về án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Trần Minh T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp, theo Biên lai số 0014285 ngày 10/10/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phan Rang - Tháp Chàm.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử phúc thẩm, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- *VKSND tỉnh Ninh Thuận;*
- *TAND Tp.PR-TC;*
- *Chi cục THADS Tp.PR-TC;*
- *Phòng KTNV&THA;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu HS, AV, Tổ HCTP;*

Trần Thị Bích Hồng